TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN UH– HÀ NỘI **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 10/2020/DSST
Ngày: 07/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH– THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:*** Ông ***Tô Thanh Phong.***
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Đặng Viết Côi, Bà Nguyễn Hạ Tuấn
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:***

Bà **Tưởng Thị Lan** – Cán bộ TAND huyện UH

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UHtham gia phiên tòa:***

Bà **Nguyễn Thị Khuyến** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 62/2020/TLST –DS ngày 02/7/2020 về: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXX – DSST ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn:** Ông Đặng Dũng H, sinh năm 1954. (*Có đơn xin vắng mặt).*
Nơi ĐKHKTT**:** thôn TK, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội.

***/ Bị đơn:** Anh Dư Văn K, sinh năm 1982. (*Có đơn xin vắng mặt).*
Nơi ĐKHKTT: thôn NĐ, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội.

***/ Những người có quyền lợi liên quan**:

- Chị Đoàn Thị P, sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT: thôn NĐ, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội.

-Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1954.

Nơi ĐKHKTT: thôn TK, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội
(bà P – vợ ông H ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng tại Tòa; chị P – vợ anh K ủy quyền cho anh K tham gia tố tụng tại Tòa).

NHẬN THẤY

- Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Đặng Dũng H trình bày: Về mối quan hệ: ông và bố đẻ anh K khi còn sống là bạn bè chơi với nhau.

Ngày 07/9/2018 dương lịch, ông có cho vợ chồng anh Dư Văn K chị Đoàn Thị P

vay số tiền 20.000.000 đồng. Việc vay nợ này được lập thành Giấy Biên Nhận Vay Tiền có đầy đủ chữ ký của người vay tiền là anh Dư Văn K, trong đó có các nội dung thỏa thuận: lãi suất 1,5%/tháng; thời hạn vay là 03 tháng anh K sẽ có trách nhiệm trả cả gốc và lãi cho ông. Tuy nhiên, sau khi cho vay nợ, đã rất nhiều lần ông gặp vợ chồng anh K yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng anh K mới trả được cho ông 5.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 26/8/2019 và 800.000 đồng tiền nợ lãi của 03 tháng vay đầu tiên (từ 07/9/2018 đến 07/12/2018). Số nợ gốc còn lại là 15.000.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh kèm theo vợ chồng anh K chị P không trả nợ cho ông, lại còn có thái độ thách thức, hỗn láo với vợ chồng ông mỗi lần vợ chồng ông đến gặp để yêu cầu trả nợ. Khoản tiền trên là tài sản chung của vợ chồng ông. Khi ông cho anh K vay vợ ông cũng biết. Khi giao tiền vay vợ chồng ông giao tiền mặt tận tay cho anh K tại nhà ông, vợ anh K khi đó không có mặt nhưng cũng biết về việc vay nợ của anh K.

Thực tế, vợ chồng anh K có nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông nhưng chỉ vay với số tiền ít, có lần vay 100.000 đồng, có lần vay 200.000 đồng, có lần vay 500.000 đồng nhưng vì đều là số tiền không lớn, lại là chỗ có quan hệ bạn bè với bố anh K từ lâu, nghĩ về tình cảm nên vợ chồng ông cũng không đòi những lần vay đó. Tuy nhiên, ngày 07/9/2018 số tiền vay là 20.000.000 đồng là một số tiền lớn đối với vợ chồng ông, ngoài ra ông nhận thấy vợ chồng anh K là người sống vô ơn, những lúc khó khăn đến tìm gặp vợ chồng ông giúp, ngay cả con của vợ chồng anh K vì tính chất công việc của vợ chồng anh K hay đi sớm về muộn, có nói gửi nhờ con ở nhà cho vợ chồng ông trông nom giúp, vợ chồng ông đưa đón con anh K đi hoc, cho cháu ăn uống , ông không lấy của vợ chồng anh K một đồng tiền nào, vậy mà nay ông đến gặp bảo vợ chồng anh K lo thu xếp tiền trả cho ông để ông lo thuốc thang cho vợ ông đang nằm viện nhưng vợ chồng anh K đã không trả nợ ông lại còn nói giọng thách thức với ông, có thái độ hỗn láo với ông.

Nay để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện UHđề nghị buộc vợ chồng anh K chị P trả ngay cho ông số tiền nợ gốc còn lại là 15.000.000 đồng và nợ lãi kèm theo như đã thỏa thuận trong giấy biên nhận vay tiền ngày 07/9/2018, cụ thể: nợ lãi từ 08/12/2018 đến hết 08/8/2019 là (20.000.000đ x 1,5%/tháng x 8 tháng) = 2.400.000 đồng, nợ lãi từ 09/8/2019 đến hết 26/8/2019 là (20.000.000 đ x 1,5%/tháng x 19/30 ngày) = 190.000 đồng, nợ lãi từ ngày 27/8/2019 đến hết ngày 27/6/2020 là (15.000.000 đ x 1,5%.tháng x 10 tháng) = 2.250.000 đồng, nợ lãi từ ngày 28/6/2020 đến hết ngày 07/7/2020 là 15.000.000 đ x 1,5%/tháng x 10/30 ngày) = 75.000 đồng, tổng cộng nợ lãi vợ chồng anh K chị P phải trả cho ông tính đến hết ngày 07/7/2020 là 4.915.000 đồng.

Ông yêu cầu vợ chồng anh K tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho ông kể từ ngày 08/7/2020 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong giấy biên nhận vay nợ ngày

07/9/2018 là 1,5%/tháng trên số dư nợ gốc chưa thánh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho ông. Trường hợp vợ chồng anh K không trả được nợ cho ông thì ông được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng anh K để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Vì Tòa đã triệu tập vợ chồng anh K nhiều lần mà vợ chồng anh K không lên tòa làm việc, vợ chồng anh K cũng có quan điểm xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Tòa và cũng xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án nên ông đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết và đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai bên nữa cho đỡ mất thời gian đi lại của ông vì ông tuổi đã cao, nhà ông lại ở xa trụ sở tòa án, ông cũng xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

- **Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn vợ chồng anh Dư Văn K chị Đoàn Thị P trình bày:** vợ chồng anh K xác nhận ngày 07/9/2018 có vay của ông Đặng Dũng H số tiền 20.000.000 đồng theo Giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của anh K với tư cách bên vay tiền với các thỏa thuận như: lãi suất vay là 1,5%/tháng, hẹn 03 tháng trả lãi một lần, thời hạn vay 3 tháng sẽ trả cả gốc và lãi. Quá trinhg vay nợ vợ chồng anh K đã trả được cho ông H 5.000.000 đồng tiền nợ gốc và 700.000 đồng tiền nợ lãi vào khoảng đầu năm 2019. Tuy nhiên, việc trả nợ này vợ chồng anh chỉ đưa tiền mặt cho ông H mà không lập giấy tờ gì. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng anh chị chưa trả được nợ cho ông H theo như thỏa thuận trong Giấy biên nhận vay tiền đã ký kết được. Nay ông H khởi kiện anh ra Tòa yêu cầu trả nợ số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi kèm theo, quan điểm vợ chồng anh chỉ còn nợ ông H số tiền gốc là 15.000.000 đồng. Vợ chồng anh đề nghị ông H cho anh chị thêm thời gian trả nợ dần cho ông H, cụ thể sau 02 tháng nữa vợ chồng anh sẽ trả ông H 7.000.000 đồng nợ gốc, tiếp tục sau 02 tháng nữa vợ chồng anh trả nốt 7.000.000 đồng nợ gốc, về tiền nợ lãi vợ chồng anh mong ông H miễn cho. Chị P có quan điểm ủy quyền cho anh K được toàn quyền thay mặt chị tham gia tố tụng, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án này tại Tòa án nhân dân các cấp kể từ khi tòa án thụ lý cho đến khi kết thúc vụ kiện, mọi ý kiến của anh K cũng là ý kiến của chị.

Vợ chồng anh K chị P cũng có quan điểm xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt vợ chồng anh K chị P.

Tại phiên tòa: ông H, anh K đều vắng mặt, đều có đơn và quan điểm xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UHcó quan điểm về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp

lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các thủ tục theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xin vắng mặt. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung của vụ án: Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc anh Dư Văn K và chị Đoàn Thị P có nghĩa vụ liên đới thanh toán ngay cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc còn thiếu là 15.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến hết ngày 07/7/2020 là 4.915.000 đồng; Bị đơn anh Dư Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là *"tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* giữa ông Đặng Dũng H với anh Dư Văn K. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện UHthụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tòa án đã triệu tập vợ chồng anh K chị P đến Tòa để hòa giải và tham gia phiên toà nhưng anh K, chị P và ông H đều có đơn xin vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Nguyên đơn – ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn - anh K phải thanh toán ngay cho ông số tiền nợ gốc chưa trả là 15.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 07/7/2020 là 4.915.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông H có nộp cho Tòa án 01 Giấy biên nhận vay tiền ngày 07/9/2018 (Bút lục số 12), thể hiện nội dung: anh Dư Văn K vay của ông H số tiền 20.000.000 đồng, với thỏa thuận về lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, thời hạn trả lãi 3 tháng, phía dưới có chữ ký của anh Dư văn K với tư cách là Người vay. Anh K thừa nhận Giấy Biên nhận vay tiền này là đúng và cũng thừa nhận có vay của ông H khoản tiền nợ gốc 20.000.000 đồng. Đồng thời, ông H, anh K đều thừa nhận hiện vợ chồng anh K chị P còn nợ ông H số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, về khoản tiền nợ lãi ông H có yêu cầu vợ chồng anh K chị H phải trả tính đến hết ngày 07/7/2020 là 4.915.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong Giấy biên nhận vay tiền giữa ông H và anh K có thỏa thuận về lãi suất là 1,5%/tháng tức là 18%/năm là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 nên mức lãi suất này được chấp nhận. Trong quá trình vay nợ, ông H và anh K đều thừa nhận số tiền lãi

của 3 tháng đầu từ ngày 07/9/2018 đến hết ngày 07/12/2018 vợ chồng anh K chị P đã trả cho ông H, ông H không có yêu cầu gì về số tiền nợ lãi của 03 tháng đầu này. Về số tiền nợ gốc vợ chồng anh K đã trả cho ông H là 5.000.000 đồng, do không có giấy tờ xác nhận giữa hai bên về việc trả nợ trên nên vợ chồng anh K chỉ ước chừng vào khoảng đầu năm 2019, tuy nhiên theo thông tin ông H cung cấp vợ chồng anh K trả cho ông H 5.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 26/8/2019, vợ chồng anh K không có ý kiến gì về việc này, vì vậy ngày mà vợ chồng anh K trả cho ông H số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng được xác định là ngày 26/8/2019. Do đó, vợ chồng anh K phải chịu lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng kể từ ngày 08/12/2018 đến hết ngày 26/8/2019 là 8 tháng 19 ngày và với số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng kể từ ngày 27/8/2019 đến hết ngày 07/7/2020 là 10 tháng 10 ngày. Vậy, cụ thể số tiền nợ lãi vợ chồng anh K chị P phải trả cho ông H kể từ ngày 08/12/2018 đến hết ngày 07/7/2020 là: {(20.000.000đ x 1,5%/tháng) x (8 tháng + 19/30 ngày) + (15.000.000 đ x 1,5%.tháng) x (10 tháng + 10/30 ngày)} = 4.915.000 đồng.

Anh K và chị P đều thừa nhận số nợ 20.000.000 đồng này với ông H là nợ chung của vợ chồng anh chị, do đó anh K và chị P đều có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ cho ông H là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Dư Văn K chị Đoàn Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán trả ngay cho ông H số tiền nợ gốc là: 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng chẵn)* và nợ lãi tính đến hết ngày 07/7/2020 là 4.915.000 đồng *(Bốn triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng chẵn).* Tổng cộng số tiền vợ chồng anh K chị P phải trả cho ông H tính đến ngày 07/7/2020 là 19.915.000 đồng *(Mười chín triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng chẵn).*

Về án phí: Anh K chị Đoàn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông H được chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 274, 278, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ Luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số

03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Dũng H.

2. Buộc anh Dư Văn K cùng vợ là chị Đoàn Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán ngay cho ông H tổng số tiền tính đến hết ngày 07/7/2020 là 19.915.000 đồng *(Mười chín triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng)*, trong đó tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến hết ngày 07/7/2020 là 4.915.000 đồng. Kể từ ngày 08/7/2020 vợ chồng anh Dư Văn K chị Đoàn Thị P tiếp tục phải chịu lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng trên số dư nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp vợ chồng anh K chị P không trả được nợ cho ông H thì ông H được quyền làm đơn đến cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền yêu cầu xử lý bất kỳ tài sản nào của vợ chồng anh K chị P để thu hồi nợ cho ông H theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Buộc anh Dư Văn K và chị Đoàn Thị P phải nộp 996.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Dũng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đặng Dũng H số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phía số 0009737 ngày 02/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện UH.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA H.UH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Tô Thanh Phong

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**